

BÀN VỀ VIỆC ĐỊNH TỘI HÀNH VI GIAN DỐI TRONG VIỆC LÀM HỒ SƠ XIN THỊ THỰC

HOÀNG QUẢNG LỰC

Trong các ngày 4 và 5/9/2024, Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử bị cáo Phùng Ngọc Hưng và 17 bị cáo khác về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo các Điều 348, 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc xét xử được nhiều tờ báo như Tuổi trẻ, Dân trí, Tiền phong đưa tin.

Tóm tắt hành vi của các bị cáo

Công ty Ánh Sáng Vì Sao thành lập năm 2008 do Phùng Ngọc Hưng làm chủ sở hữu, đồng thời là người đại diện theo pháp luật. Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn về du học, thăm thân nhân và xuất khẩu lao động sang các thị trường châu Âu, Úc và Canada. Xuất phát từ quy định của Chính phủ Canada là hồ sơ xin cấp thị thực có thể nộp trực tuyến qua mạng bằng các tập tin nên Phùng Ngọc Hưng đã nảy sinh ý định chỉnh sửa, làm giả các tài liệu và sử dụng các tài liệu giả này để nộp nhằm xin cấp thị thực cho các khách hàng, mà theo Phùng Ngọc Hưng nếu làm đúng thì hồ sơ xin thị thực của các khách hàng này có thể bị từ chối.

Thực hiện ý định trên, trong quãng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023, với vai trò là giám đốc Công ty Ánh Sáng Vì Sao, Phùng Ngọc Hưng đã chỉ đạo các nhân viên trong công ty của mình liên hệ với Công ty TNHH thương mại Global Reach và một số người khác làm giả, hợp thức hóa hồ sơ xin thị thực

xuất cảnh sang Canada cho 45 trường hợp, trong đó có 36 trường hợp được cơ quan chức năng của Canada chấp nhận cấp thị thực, còn lại 9 trường hợp bị từ chối. Riêng Công ty TNHH thương mại Global Reach, ngoài việc phối hợp với Công ty Ánh Sáng Vì Sao làm giả, hợp thức hóa một số hồ sơ trong số các hồ sơ xin thị thực của các khách hàng nói trên, còn tự mình thực hiện đối với 8 trường hợp khác với cách thức như trên. Việc làm giả, hợp thức hóa hồ sơ xin thị thực nói trên có sự phối hợp của các khách hàng.

Qua hai ngày xét xử, TAND thành phố Đà Nẵng đã kết án 17 bị cáo về hai tội, là các tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo các Điều 348, 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng đối với một bị cáo trong vụ án, do các tài liệu trong máy tính của bị cáo này đã bị xóa trước đó nên không đủ căn cứ xác định việc bị cáo này có hành vi làm giả, hợp thức hóa hồ sơ, vì vậy bị cáo này chỉ bị kết án về một tội là tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Về việc xét xử trên, là người hoạt động trong ngành luật, là tác giả bài viết xin có ý kiến trao đổi sau:

Thứ nhất, để kết án các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, việc kết án phải thỏa mãn 2 dấu hiệu rất quan trọng sau đây:

Hành vi xuất cảnh của các khách hàng nói trên là trái phép.

Thế nhưng ngoài 9 trường hợp không được cấp thị thực nên không xuất cảnh, các trường hợp xuất cảnh còn lại đều là xuất cảnh trong trường hợp có thị thực. Điều 33 về điều kiện xuất cảnh của Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi, bổ sung năm 2023 quy định như sau:

1. Công dân Việt Nam được xuất cảnh khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy tờ xuất nhập cảnh còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng;

b) Có thị thực hoặc giấy tờ xác nhận, chứng minh được nước đến cho nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực;

c) Không thuộc trường hợp bị cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh, bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật.

2. Người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải có người đại diện hợp pháp đi cùng.

Với quy định trên thì việc xuất cảnh của các khách hàng của Công ty Ánh Sáng Vì Sao và Công ty TNHH thương mại Global Reach là không trái phép, vì họ xuất cảnh trong trường hợp đã có thị thực của nhà nước Canada và theo pháp luật Việt Nam thì đây là trường hợp được xuất cảnh. Và điều đáng nói thêm, đó có lẽ là các cơ quan tiến hành tố tụng đều nhận thức được điều này, vì vậy đã không điều tra, truy tố và xét xử bất cứ khách hàng nào trong các khách hàng nói trên về tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh” theo Điều 347 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thế nhưng ở đây lại có sự thiếu logic, thiếu

nhất quán trong nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng, khi không định tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh” đối với các khách hàng nhưng lại định tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” đối với những người tham gia việc chỉnh sửa, hợp thức hóa hồ sơ xin thị thực của các khách hàng, vì rằng không có người vi phạm quy định về xuất cảnh, tức xuất cảnh trái phép thì cũng không thể có người tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Theo tác giả, ở đây có lẽ có sự hiểu nhầm khái niệm tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép thành khái niệm tổ chức trái phép cho người khác xuất cảnh. Ở khái niệm thứ nhất, bắt buộc người xuất cảnh phải là xuất cảnh trong trường hợp không được sự cho phép của nhà nước (tức xuất cảnh trái phép), còn ở khái niệm thứ hai không cần điều đó, chỉ cần có hành vi trái phép trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh, còn việc qua nước ngoài của người xuất cảnh có thể không trái phép.

Như vậy, việc làm hồ sơ xin thị thực cho các khách hàng của một số bị cáo trong vụ án tuy có yếu tố gian dối nhưng thực chất của sự gian dối này là làm cho các khách hàng của mình được xuất cảnh không trái phép (tức xuất cảnh trong trường hợp có thị thực). Do đó không thể buộc họ tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Hành vi làm giả, hợp thức hóa hồ sơ xin thị thực phải có ý nghĩa quyết định trong việc được cấp thị thực.

Quá trình điều tra trong vụ án này không chứng minh được hành vi làm giả, hợp thức hóa hồ sơ xin thị thực có ý nghĩa quyết định trong việc được cấp thị thực, vì nhà nước Canada không có bất cứ quy định rõ ràng nào về điều

kiện, tiêu chuẩn để được cấp thị thực, ngoài ra cũng không có bất cứ văn bản trả lời nào cho nhà nước Việt Nam biết về việc các hồ sơ trên nếu không có sự làm giả, hợp thức hóa thì có được cấp thị thực hay không. Thực tế một số hồ sơ có sự làm giả, hợp thức hóa nhưng vẫn bị cơ quan chức năng Canada từ chối cấp thị thực. Điều này có nghĩa là các bị cáo cũng chỉ dự đoán, cảm nhận mà không chắc chắn là việc chỉnh sửa hồ sơ có ý nghĩa quyết định trong việc khách hàng của mình được nhà nước Canada cấp thị thực. Tức là nếu không có hành vi làm giả, hợp thức hóa hồ sơ thì các khách hàng vẫn có thể được cấp thị thực và ngược lại. Do đó với kết quả điều tra này, không đủ căn cứ để kết luận các khách hàng được cấp thị thực là nhờ hành vi gian dối nói trên.

Như vậy, cả hai dấu hiệu rất quan trọng để buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” đều không thỏa mãn.

Thứ hai, cần định tội đối với hành vi dùng hồ sơ có các tài liệu giả nói trên để xin cấp thị thực như thế nào cho đúng?

Về hành vi dùng hồ sơ có các tài liệu giả nói trên để xin thị thực nhập cảnh vào nước ngoài cho khách hàng của những người làm việc trong các công ty trên có phạm tội hay không? Nếu có thì phạm vào tội nào của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017?

Như đã phân tích ở trên, tác giả cho rằng, hành vi dùng hồ sơ có các tài liệu giả nói trên để xin thị thực nhập cảnh vào nước ngoài cho khách hàng của mình của những người làm việc trong các công ty trên không phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Đây thực chất là hành vi sử dụng con dấu, tài

liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức thực hiện hành vi trái pháp luật. Cụ thể, hành vi trái pháp luật ở đây là hành vi gian dối trong việc xin thị thực.

Mặt khác, tại Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 3/10/2023 của TAND tối cao về thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử, nội dung của công văn thể hiện rõ quan điểm của TAND tối cao là đối với người không trực tiếp làm giả giấy tờ, tài liệu, mà nhờ người khác làm, sau đó sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật, thì chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, mà không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Do đó, theo tác giả, về cơ bản, những người làm việc tại các công ty nói trên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Hai tội này cùng được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng đối với những nhân viên mà theo sự phân công, chỉ đạo của lãnh đạo công ty, chỉ thực hiện một hoặc một số khâu trong việc chỉnh sửa tài liệu, hoàn toàn không liên quan đến việc xin thị thực thì chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”; những người không trực tiếp làm giấy tờ, tài liệu giả, mà chỉ liên quan đến việc nhờ người khác làm, sau đó sử dụng giấy tờ, tài liệu giả để thực hiện hành vi xin cấp thị thực, hoặc chỉ liên quan đến hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả để thực hiện hành vi xin cấp thị thực thì chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu*

giả của cơ quan, tổ chức”.

Thứ ba, về vấn đề có được định nhiều tội đối với người thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội

Vấn đề này hiện quan điểm không được thống nhất trong đội ngũ những người làm công tác pháp luật. Một số cho rằng, một hành vi nguy hiểm cho xã hội nếu xâm phạm nhiều khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ thì phải chịu trách nhiệm hình sự về nhiều tội, tương ứng với các khách thể bị xâm phạm. Số còn lại thì cho rằng, người thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội thì chỉ có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về một tội mà thôi.

Về vấn đề này, tác giả xin có ý kiến như sau:

Tại Công văn số 73-TK ngày 2/3/1995 về hướng dẫn đường lối xét xử loại tội phạm tình dục trẻ em, TAND tối cao có hướng dẫn: *“Đối với những trường hợp mà người có hành vi hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm trẻ em hoặc giao cấu với trẻ em dưới 16 tuổi lại có cùng dòng máu về trực hệ với nạn nhân hoặc là anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng mẹ khác cha, anh chị em cùng cha khác mẹ với nạn nhân, thì ngoài việc xét xử bị cáo về một tội theo quy định tại các Điều 112, 113, hoặc 114 Bộ luật Hình sự, còn phải xét xử bị cáo thêm về tội “loạn luân” theo Điều 146 Bộ luật Hình sự”.*

Như vậy, TAND tối cao đã từng có quan điểm về việc người thực hiện một hành vi có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về hai tội. Tuy vậy, đây là một hướng dẫn đã rất lâu và theo tác giả hướng dẫn này có thể dẫn đến sự nghiêm trọng hóa rất nhiều đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội, vì trong thực tế rất nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn nhiều cấu thành tội phạm được quy định trong các Bộ luật Hình sự ở các giai

đoạn khác nhau. Việc buộc người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các tội mà hành vi của họ thỏa mãn các cấu thành tội phạm của các tội này là không hợp lý. Vì vậy, tại văn bản trao đổi nghiệp vụ số 233/TANDTC-PC ngày 1/10/2019, TAND tối cao đã thay đổi quan điểm, hướng dẫn lại với nội dung như sau: *“Trường hợp người thực hiện một hành vi nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn”.*

Như vậy, quan điểm hiện nay của TAND tối cao là một hành vi nguy hiểm cho xã hội thì chỉ có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về một tội mà thôi.

Trong vụ án nói trên, rất nhiều nhân viên của các Công ty Ánh Sáng Vì Sao và TNHH thương mại Global Reach chỉ có một hành vi làm giả các tài liệu trong hồ sơ xin thị thực xuất cảnh của khách hàng theo sự phân công công việc của lãnh đạo các công ty này mà hoàn toàn không liên quan gì đến hành vi xin thị thực cho khách hàng. Tuy vậy, họ vẫn bị kết án về hai tội. Việc kết án họ về hai tội là trái với quan điểm nói trên của TAND tối cao và điều này dẫn đến một thực tế là họ phải chịu trách nhiệm hình sự rất nặng so với những gì lẽ ra họ phải chịu.

Trừng trị đối với người phạm tội là cần thiết. Tuy vậy, nếu việc trừng trị là vượt quá những gì họ đã làm thì mục đích của việc trừng trị và giáo dục người phạm tội đều không đạt được. Với nhận thức như vậy, tác giả mạnh dạn nêu quan điểm của mình về việc xét xử vụ án trên, mong nhận được sự trao đổi, tranh luận của bạn đọc về vụ án này để trong tương lai, việc điều tra, truy tố và xét xử đối với loại hành vi phạm tội này được đúng đắn và thống nhất ■